

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp Minh Sơn 2 (phần còn lại) tại xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Công văn số 16/CV-TĐHL ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp Minh Sơn 2 (phần còn lại) tại xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 526/TTr-STNMT ngày 09 tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp Minh Sơn 2 (phần còn lại) tại xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Tập đoàn Hạ Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Môi trường - BTNMT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, XD, GTVT, NNPTNT, TNMT (03 bản);
- UBND huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng;
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hạ Long (Chủ dự án);
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng chuyên môn, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(LC).

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Tiến Thiệu**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp Minh Sơn 2**  
**(phần còn lại) tại xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn**  
*(Kèm theo Quyết định số 1628 /QĐ-UBND ngày 12 /10/2023*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

**I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**

**1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp Minh Sơn 2 (phần còn lại) tại xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần Tập đoàn Hạ Long.
- Địa chỉ liên hệ: Dự án Khu dịch vụ du lịch cao cấp và đô thị mới, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Quy mô sử dụng đất của dự án: 41,88 ha bao gồm khu vực khai thác là 40,86 ha và khu vực văn phòng điều hành là 1,02 ha.
- Công suất của dự án: trữ lượng khai thác là 7.626.088 m<sup>3</sup> đất nguyên khối, trong đó: công suất khai thác năm 1 (xây dựng cơ bản) 26.088 m<sup>3</sup> đất nguyên khối tương đương 30.549 m<sup>3</sup> đất nguyên khai; công suất khai thác từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 là 500.000 m<sup>3</sup> đất nguyên khối/năm tương đương 585.500 m<sup>3</sup>/năm đất nguyên khai; công suất khai thác từ năm thứ 6 đến năm thứ 12 (kết thúc khai thác): 800.000 m<sup>3</sup> đất nguyên khối/năm tương đương 936.800 m<sup>3</sup>/năm đất nguyên khai.

**3. Công nghệ khai thác, sản xuất:** sử dụng máy xúc bốc xúc đất san lấp và chất tải lên ô tô vận tải, sử dụng máy gạt để gom đất, dọn dẹp mặt bằng khai thác.

**4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Khu vực khai thác (01 khu): diện tích 40,86 ha; cao độ kết thúc khai thác (thấp nhất) tại cốt +25 m.
- Khu văn phòng điều hành (mặt bằng sân công nghiệp): diện tích 1,02 ha, bao gồm các hạng mục công trình: nhà văn phòng điều hành 135 m<sup>2</sup>; nhà ở công nhân 81 m<sup>2</sup>; nhà ăn 81 m<sup>2</sup>; nhà để xe 155m<sup>2</sup>; nhà bảo vệ 23m<sup>2</sup>; nhà kho và lưu giữ chất thải nguy hại 23 m<sup>2</sup>; trạm cân 80 tấn; trạm rửa xe.

**5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:** không có.

**II. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN CÓ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG**

**1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Công tác giải phóng mặt bằng.

- Phát quang tạo mặt bằng thi công, phá dỡ các công trình xây dựng.
- Vận chuyển nguyên vật liệu, máy, thiết bị phục vụ thi công xây dựng khu văn phòng.
- Thi công các hạng mục mở vỉa (mở mỏ).
- Xây dựng các công trình tại khu văn phòng.
- Sửa chữa (sự cố) của các máy thiết bị.
- Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại công trường.

## **2. Giai đoạn vận hành**

- Khai thác đất làm vật liệu san lấp.
- Vận chuyển đất san lấp đến các hộ tiêu thụ.
- Sửa chữa (sự cố) của các máy thiết bị.
- Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

## **3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường**

- Thi công các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường (củng cố, ổn định bờ mỏ; san gạt mặt bằng; trồng cây các mặt tầng và đáy khai trường; tháo dỡ các công trình trên mặt bằng khu văn phòng, san gạt mặt bằng và trồng cây phủ xanh; nạo vét hệ thống thoát nước).
- Sửa chữa (sự cố) của các máy thiết bị.
- Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

# **III. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH THEO CÁC GIAI ĐOẠN CỦA DỰ ÁN**

## **1. Nước thải, bụi, khí thải**

### **1.1. Nước thải**

#### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường: lưu lượng phát sinh 1,16 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, tổng P, dầu mỡ, tổng Coliform.
- Nước tưới đường, tưới ẩm mặt bằng thi công: lượng nước sử dụng khoảng 20m<sup>3</sup>/ngày. Do đặc tính ngấm vào vật chất, bay hơi nên tác động môi trường ở mức thấp.
- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng phát sinh 12,79 l/s. Thành phần chủ yếu: đất, cát và các chất lơ lửng.

#### *b) Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại mỏ: lưu lượng phát sinh 1,81 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, tổng P, dầu mỡ, tổng Coliform.

- Nước vệ sinh công nghiệp (rửa xe): lưu lượng phát sinh 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: các vật chất lơ lửng (đất, cát).

- Nước mưa chảy tràn: khối lượng nước mưa chảy tràn trong ngày có lượng mưa lớn nhất khoảng 791 m<sup>3</sup>/giờ (khu vực khai thác) và khoảng 20 m<sup>3</sup>/giờ (mặt bằng sân công nghiệp số 2). Thành phần chủ yếu: đất, cát và các chất lơ lửng.

*c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường: lưu lượng phát sinh 1,16 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, tổng P, dầu mỡ, tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường được thu gom và lắng cặn tại hồ lắng.

## **1.2. Bụi, khí thải**

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng:* bụi phát sinh từ hoạt động phát quang tạo mặt bằng thi công, hoạt động phá dỡ các công trình dân sinh, hoạt động đào/đắp; khí thải và bụi từ hoạt động vận chuyển của các xe vận tải; khí thải từ các máy thi công.

*b) Giai đoạn vận hành:* bụi phát sinh từ hoạt động phát quang trong quá trình khai thác mỏ; bụi phát sinh từ hoạt động khai thác; khí thải từ các máy thi công; khí thải và bụi từ hoạt động vận chuyển của các xe vận tải.

*c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:* bụi, khí thải từ hoạt động của các máy thi công (máy xúc, máy gạt) và phương tiện vận tải (ô tô).

## **2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

### **2.1. Chất thải rắn**

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang cây cối tạo mặt bằng (chủ yếu là keo): khối lượng phát sinh khoảng 8,4 tấn.

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ nhà cửa phát sinh khoảng 1.600 m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu là mái tôn, cửa, sắt, đất đá thải,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên: khối lượng phát sinh 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, vỏ đồ hộp, túi nilon,...

- Đất bóc trong quá trình thi công, xây dựng: tổng khối lượng phát sinh khoảng 42.820 m<sup>3</sup>.

- Chất thải rắn xây dựng từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình. Khối lượng phát sinh khoảng 0,25 tấn/tháng (thời gian thi công xây dựng khoảng 12 tháng). Thành phần chủ yếu: vật liệu xây dựng dư thừa, sắt, thép vụn, các loại vỏ bao xi măng, mảnh gỗ vụn, gạch vỡ, vữa,...

*b) Giai đoạn vận hành:*

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang trong quá trình khai thác mỏ: khối lượng phát sinh khoảng 1.647,38 tấn. Thành phần: rễ, thân, cành, lá cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại mỏ: khối lượng phát sinh là 22,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, vỏ đồ hộp và túi nilon.

*c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên: Khối lượng phát sinh 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, vỏ đồ hộp, túi nilon,...

- Chất thải rắn phát sinh do hoạt động tháo dỡ các công trình: tổng khối lượng chất thải khoảng 795 m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu: bê tông, gạch vỡ, vữa, sắt, thép, cửa,...

## **2.2. Chất thải nguy hại**

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng:* chất thải nguy hại phát sinh khoảng 17,8 kg/tháng. Thành phần gồm: dầu thải; giẻ lau nhiễm dầu; xỉ hàn, que hàn thải; vỏ hộp/thùng đựng sơn thải; pin thải; bóng đèn thải.

*b) Giai đoạn vận hành:* chất thải nguy hại phát sinh khoảng 35,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: dầu thải, giẻ lau nhiễm dầu, bao bì kim loại cứng (vỏ thùng phuy, can sắt chứa dầu thủy lực), pin thải, bóng đèn thải.

*c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:* chất thải nguy hại phát sinh khoảng 12,2 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: dầu thải; bao bì kim loại dầu thải; giẻ lau nhiễm dầu; pin thải; pin thải; bóng đèn thải.

## **3. Tiếng ồn, độ rung**

### *3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các máy thi công và các xe vận tải.

### *3.2. Giai đoạn vận hành*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy thi công (máy xúc, máy ủi); các phương tiện vận chuyển (ô tô).

### *3.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các máy thi công và các xe vận tải.

## **IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

### **1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi và khí thải**

#### **1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải**

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt: ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, có điều kiện tự túc chỗ ăn ở, sinh hoạt nhằm hạn chế việc phát sinh các loại chất thải sinh hoạt trên công trường. Bố trí 01 nhà vệ sinh lưu động 2 buồng có tích hợp sẵn hệ thống xử lý theo nguyên lý bể tự hoại, dung tích bể chứa chất thải 800 lít đặt tại công trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được chảy vào ao phía nam mặt bằng sân công nghiệp số 1 sử dụng cho mục đích nuôi thủy sản.

- Nước mưa chảy tràn: bố trí hệ thống rãnh thu gom và xử lý lắng cặn bản, đất cát bằng hố lắng. Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng mặt bằng sân công nghiệp số 1 là ao phía nam mặt bằng sân công nghiệp số 1, trong giai đoạn thi công xây dựng mặt bằng sân công nghiệp số 2 là ao phía bắc mặt bằng sân công nghiệp số 2.

*b) Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt: nước từ bồn cầu được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 6,24 m<sup>3</sup> (mỗi khu văn phòng xây dựng 01 bể, tổng số là 02 bể). Nước từ chậu rửa, nước thoát sàn trong nhà vệ sinh, nước từ nhà ăn sẽ được thu gom bằng hệ thống ống PVC và chảy vào rãnh thoát nước chung của khu văn phòng. Để loại bỏ các vật chất có kích thước lớn, tại chậu rửa, ống thoát sàn sẽ được lắp đặt các rọ thu rác và lưới chắn sàn. Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số k=1,2) được chảy vào rãnh thoát nước chung của khu văn phòng. Định kỳ 01 năm/lần, công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn, cặn từ bể tự hoại.

- Nước vệ sinh công nghiệp (trạm rửa xe): nước thải từ quá trình rửa xe được thu gom bằng ống D150 và dẫn vào bể lắng xây dựng kích thước tổng thể dài x rộng x sâu = 6,4 x 3,8 x 1,5 (m); dung tích 18,88 m<sup>3</sup>, gồm 3 ngăn lắng: ngăn số 1: 9,6 m<sup>3</sup>, ngăn số 2: 4,8 m<sup>3</sup> và ngăn số 3: 4,48 m<sup>3</sup> để lắng đất, cát. Nước sau lắng tại ngăn số 3 sẽ được tái sử dụng để rửa xe (tại trạm rửa xe) và không thải ra ngoài môi trường. Bùn, cặn trong bể lắng và rãnh thu gom sẽ được nạo vét thường xuyên để khôi phục dung tích (tần suất nạo vét 1 tuần/lần).

- Nước mưa chảy tràn:

+ Trong quá trình khai thác hướng dòng chảy vào lòng moong khai thác để thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt.

+ Không tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng trên công trường để giảm thiểu phát sinh dầu, mỡ. Các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng được tiến hành tại xưởng sửa chữa chuyên dụng.

+ Thường xuyên khơi thông, nạo vét hệ thống thoát nước tại khu vực dự án đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực, đặc biệt là trong mùa mưa bão.

+ Đắp đê ngăn nước mưa chảy tràn tại các khu vực tiếp giáp khu dân cư và khu vực có địa hình thấp tiếp giáp ranh giới khu vực khai thác. Đê có kích thước rộng mặt x rộng đáy x cao = 1 x 3 x 1 (m), đắp bằng đất trong quá trình

khai thác mỏ đầm nén chặt; chiều dài biến đổi trong các năm khai thác.

+ Nước mưa chảy tràn trên diện tích khai trường sẽ tự chảy theo hệ thống rãnh thu gom về hồ lắng (bố trí trong ranh giới khu vực khai thác), tại đây nước được xử lý lắng cặn và tái sử dụng để làm vệ sinh công nghiệp (tưới ẩm, tưới đường), lượng nước vượt dung tích chứa của công trình sẽ được thải ra môi trường.

*c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Duy trì biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại và hệ thống rãnh thoát nước khu văn phòng đến khi kết thúc giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường. Sau khi quá trình cải tạo, phục hồi môi trường cơ bản hoàn thành sẽ tiến hành tháo dỡ nhà vệ sinh và nạo vét hệ thống rãnh thoát nước để hoàn trả mặt bằng.

- Nước mưa chảy tràn qua các khu vực tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường vẫn được thu gom và lắng cặn tại hồ lắng. Sau khi quá trình trồng cây trên mặt bằng khu vực dự án hoàn thiện phần lớn, khu vực hồ lắng sẽ được san lấp và phủ xanh cùng với các khu vực khác.

**1.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải**

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Đầu tư các thiết bị mới (máy xúc, máy gạt) phục vụ dự án; thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị thi công theo định kỳ; sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm (có hàm lượng lưu huỳnh thấp). Các phương tiện vận tải phải còn thời hạn kiểm định, có giấy chứng nhận đăng kiểm đạt các tiêu chuẩn về khí thải.

- Vận hành thiết bị theo đúng công suất thiết kế và hướng dẫn của nhà sản xuất. Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các phương tiện vận tải (tại xưởng sửa chữa, ga ra chuyên dụng).

- Các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu dễ rơi vãi (cát, đá, xi măng,...) phải được chở bằng thùng kín hoặc thùng hở có che bạt phủ kín thùng xe và buộc chặt; quy định các xe chở đúng tải trọng.

- Quy định tốc độ các xe vận tải khi đi qua khu dân cư tập trung < 25 km/h; hạn chế hoạt động vận tải vào khung giờ nghỉ trưa của người dân và ban đêm.

- Tưới nước dọc các tuyến đường vận chuyển để hạn chế phát tán bụi.

- Bố trí lao động quét dọn khu vực thi công và khu vực tuyến đường vận tải sau mỗi ngày làm việc để giảm thiểu phát tán bụi và thu gom các vật chất rơi vãi. Tần suất vệ sinh 1-2 lần/ngày.

- Quy hoạch khu vực tập kết nguyên vật liệu; vị trí tập kết nằm cuối các hướng gió chính và cách xa các khu vực dân cư.

- Bố trí hợp lý đường vận chuyển nguyên liệu.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy, thiết bị để tránh sự tích lũy ô nhiễm không khí.



*b) Giai đoạn vận hành:*

- Tuân thủ nghiêm ngặt về ranh giới, độ sâu khai thác và công suất khai thác theo nội dung giấy phép khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp; tuân thủ nghiêm ngặt các thông số của hệ thống khai thác mỏ.

- Sử dụng các phương tiện vận tải chất lượng tốt, tiết kiệm nhiên liệu và ít phát thải các khí thải độc hại. Các phương tiện vận tải phải còn thời hạn kiểm định, có giấy chứng nhận đăng kiểm đạt các tiêu chuẩn về khí thải.

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên (tại xưởng sửa chữa, garage chuyên dụng) các phương tiện vận tải, đảm bảo các xe vận tải vận hành ổn định và hiệu quả, giảm thiểu phát sinh bụi.

- Quy định tốc độ vận tải của các xe chạy qua khu vực dân cư < 25km/h.

- Đối với những xe vận chuyển đất san lấp, khi di chuyển có vải bạt che chắn cẩn thận, toàn bộ các xe vận chuyển khi có tải cần phải che bạt phủ kín thùng xe và buộc chặt để hạn chế phát tán bụi và phát sinh các vật chất rơi vãi.

- Bố trí trạm rửa xe kích thước tổng thể: dài x rộng x sâu = 25 x 4,6 x 0,8 (m) tại cổng vào mỏ (tại các mặt bằng sân công nghiệp) để giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông trong khu vực. Các xe vận tải khi chở đất san lấp ra khỏi khu vực dự án được rửa lốp, rửa thành xe nhằm giảm thiểu lượng bụi, đất cuốn theo xe.

- Quy định các xe vận tải chở đúng tải trọng, không chở vượt quá tải trọng của xe theo quy định.

- Tiến hành tưới ẩm định kỳ cho những khu vực phát sinh bụi như khu vực khai thác, tuyến đường từ mặt bằng sân công nghiệp số 1 ra quốc lộ 1A.

- Bố trí lao động hoặc thuê lao động địa phương thường xuyên quét dọn trên các tuyến đường vận tải từ khu vực khai thác ra quốc lộ 1A để thu gom các vật chất rơi vãi. Tần suất vệ sinh 1-2 lần/ngày.

- Thời gian khai thác tiến hành vào ban ngày (từ 06 giờ 00 phút đến 21 giờ 00 phút), hạn chế khai thác, vận chuyển đất san lấp vào thời gian nghỉ trưa của người dân (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và thời gian ban đêm (từ 21 giờ 00 phút đến 06 giờ 00 phút) để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tới các khu vực dân cư xung quanh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân lao động theo quy định.

- Tiến hành trồng cây cải tạo phục hồi môi trường ngay trong quá trình khai thác mỏ, tại các khu vực đã khai thác hết khoáng sản (đạt cao độ thiết kế): loại cây trồng: cây keo; mật độ trồng: 1.660 cây/ha.

*c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:* duy trì các giải pháp, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải đã áp dụng trong giai đoạn khai thác để giảm thiểu tác động môi trường của bụi và khí thải.

## **2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

### **2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn**

#### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang cây cối trên mặt bằng: các vật chất thân cây, cành lớn sẽ cho người dân địa phương tận dụng, các loại cành nhỏ, cây cỏ dại sẽ được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Đất bóc trong quá trình thi công, xây dựng: toàn bộ khối lượng thu được từ quá trình thi công tạo mặt bằng khai thác đầu tiên (26.088 m<sup>3</sup>) được tận dụng làm đất san lấp và được vận chuyển đến các hộ tiêu thụ. Khối lượng đất bóc trong quá trình thi công các hạng mục còn lại (15.729 m<sup>3</sup>) sẽ được tận dụng để đắp tại chỗ (đắp cho khu vực có cao độ thấp) và san gạt mặt bằng.

- Chất thải rắn xây dựng, phá dỡ: loại 1 (gồm sắt, thép vụn, vỏ bao xi măng,...) sẽ được thu gom và bán cho cơ sở thu mua phế liệu; loại 2 (gồm gỗ, các vật chất dễ cháy khác như tre, bao bì, giấy, xốp,...) sẽ được thu gom và tập kết trên mặt bằng công trường; loại 3 (gồm đá thừa, cát thừa, vữa, gạch, bê tông,...) sẽ bố trí 01 thùng chứa chất thải xây dựng (thùng thép, dung tích 6 m<sup>3</sup>) tại khu vực công trường để thu gom, giao đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý toàn bộ khối lượng chất thải xây dựng, chất thải phá dỡ phát sinh.

- Chất thải rắn sinh hoạt: trang bị 04 thùng chứa dung tích 60 lít, bằng nhựa, có nắp đậy đặt tại các khu vực có phát sinh, thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn xã Minh Sơn thu gom, vận chuyển theo quy định.

#### *b) Giai đoạn vận hành:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: tiếp tục sử dụng các thùng rác loại 60 lít đã trang bị trong giai đoạn trước để thu gom, lưu giữ chất thải phát sinh; ký hợp đồng thu gom xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng trên địa bàn để thu gom, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt của dự án theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang cây cối: đối với thân cây, cành lớn sẽ cho các hộ dân trong vùng lấy để tận dụng; đối với rễ, cành nhỏ, lá cây,... sẽ được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

#### *c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên vẫn tiếp tục được thu gom bằng các thùng chứa loại 60 lít đã trang bị trong giai đoạn trước và thuê đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển, xử lý toàn bộ rác thải của phát sinh đến khi kết thúc giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

- Chất thải trong quá trình phá dỡ, tháo dỡ các hạng mục công trình của mỏ sẽ được phân loại; các chất có khả năng tái chế, tái sử dụng sẽ được tận dụng; các chất thải không có khả năng tái chế, tái sử dụng sẽ được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

## **2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

### **a) Giai đoạn thi công, xây dựng:**

- Dầu thải được thu gom vào 01 thùng phuy loại 100 - 200 lít; giẻ lau thải, que hàn thải, pin thải, bóng đèn thải mỗi loại được thu gom bằng 01 thùng chứa loại 20 lít (bằng nhựa, có nắp đậy), số lượng 04 thùng; riêng đối với vỏ hộp/thùng đựng sơn thải được đặt trên tám pallet gỗ và lưu giữ trong kho chất thải nguy hại. Các thùng chứa đều có nhãn dán để phân loại và nhãn dán để cảnh báo các loại chất thải nguy hại.

- Toàn bộ chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng sẽ được lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 9,0 m<sup>2</sup> (bố trí trong kho vật tư). Chất thải nguy hại được phân loại, phân định, dán nhãn cụ thể từng loại.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực tiến hành thu gom định kỳ, vận chuyển xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### **b) Giai đoạn vận hành:**

- Dầu thải được thu gom vào 01 thùng phuy loại 100 - 200 lít; giẻ lau thải, pin thải, bóng đèn thải mỗi loại được thu gom bằng 01 thùng chứa loại 20 lít (bằng nhựa, có nắp đậy), số lượng 03 thùng; các bao bì kim loại cứng (vỏ thùng phuy, can sắt chứa dầu thủy lực) được đặt trên tám pallet gỗ và lưu giữ trong kho chất thải nguy hại.

- Mỗi mặt bằng sản công nghiệp bố trí 01 khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 9,0 m<sup>2</sup> (bố trí trong kho vật tư). Chất thải nguy hại được phân loại, phân định, dán nhãn cụ thể từng loại.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực tiến hành thu gom định kỳ, vận chuyển xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### **c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:**

- Dầu thải được thu gom vào 01 thùng phuy loại 100 - 200 lít; giẻ lau thải, pin thải, bóng đèn thải mỗi loại được thu gom bằng 01 thùng chứa loại 20 lít (bằng nhựa, có nắp đậy), số lượng 03 thùng đặt tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 9,0 m<sup>2</sup> (bố trí trong kho vật tư).

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực tiến hành thu gom định kỳ, vận chuyển xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy thi công, phương tiện vận tải để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn.

- Phân phối các phương tiện làm việc trên công trường một cách hợp lý, tránh để các thiết bị phát ra tiếng ồn hoạt động đồng thời nhằm giảm khả năng cộng hưởng tiếng ồn.

**- Hạn chế thi công, vận chuyển nguyên vật liệu từ 21 giờ 00 phút đến 06 giờ 00 phút và từ 12 giờ 00 phút - 13 giờ 00 phút hàng ngày.**

- Kiểm tra mức ồn, rung của phương tiện vận tải, thiết bị và máy thi công trong quá trình vận hành, nếu mức ồn lớn hơn giới hạn cho phép thì phải tiến hành sửa chữa, khắc phục độ ồn hoặc lắp đặt các thiết bị giảm thanh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cần thiết cho người lao động vận hành thiết bị/máy theo quy định.

### **3.2. Giai đoạn vận hành**

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị.

- Sử dụng các thiết bị hiện đại, hạn chế phát ra tiếng ồn.

- Tạo khoảng cách phù hợp giữa các thiết bị gây ồn để tránh tiếng ồn cộng hưởng.

- Trang bị bảo hộ cần thiết cho công nhân làm việc trực tiếp trên công trường theo danh mục nghề.

- Tuân thủ nội quy và quy định vận hành các máy móc thiết bị.

### **3.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường**

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị.

- Hạn chế sử dụng nhiều máy móc có mức ồn cao cạnh nhau để giảm thiểu tiếng ồn cộng hưởng.

- Trang bị thiết bị chống ồn cho công nhân, giảm giờ làm và thay đổi ca để tránh tiếp xúc quá lâu với nguồn tiếng ồn lớn.

## **4. Biện pháp bảo vệ môi trường khác**

### **4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

*a) Phương án thực hiện:*

- Cải tạo khu vực khai thác:

+ Cải tạo sườn tầng phòng tránh nguy cơ sạt lở, trượt lở;

+ Cải tạo mặt tầng (thực hiện trong giai đoạn khai thác) bao gồm: san gạt mặt bằng, trồng cây phủ xanh;

+ Cải tạo khu vực đáy khai trường (thực hiện sau khi kết thúc khai thác) bao gồm: san lấp hồ lắng, san gạt mặt bằng đáy khai trường, trồng cây phủ xanh đáy khai trường.

- Cải tạo khu vực phụ trợ:

- + Tháo dỡ, phá dỡ các công trình trên mặt bằng sân công nghiệp;
- + San gạt mặt bằng sân công nghiệp;
- + Trồng cây phủ xanh diện tích mặt bằng sân công nghiệp.
- Nạo vét hệ thống thoát nước trên mặt bằng dự án.
- Cải tạo tuyến đường vận tải trong mỏ: san gạt mặt bằng, trồng cây phủ xanh tuyến đường trong mỏ.
- Cải tạo tuyến đường vận tải ngoài mỏ: chủ dự án sẽ đóng góp kinh phí để duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận tải từ khu vực mỏ ra quốc lộ 1A.

*b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch thực hiện cụ thể:*

STT	Các hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai thác</b>				<b>4.352.603.028</b>	<b>Năm 13</b>
<b>I.1</b>	<b>Cải tạo sườn tầng tránh nguy cơ sạt lở</b>				<b>32.848.929</b>	
1	Đào xúc đất bằng máy đào 2,3 m <sup>3</sup> , đất cấp II	100 m <sup>3</sup>	13,710	1.048.760	14.378.505	
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp II	100 m <sup>3</sup>	13,710	1.347.223	18.470.424	
<b>I.2</b>	<b>Cải tạo mặt tầng khai thác</b>				<b>230.549.872</b>	
	San gạt mặt bằng					
3	San gạt mặt bằng	100 m <sup>3</sup>	89,70	185.805	16.666.704	
	Trồng cây phủ xanh khu vực mặt tầng khai thác					
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp II	100 m <sup>3</sup>	3,180	1.347.223	4.284.168	
5	Trồng và chăm sóc 3 năm cây keo tai tượng (mật độ 1660 cây/ha)	ha	2,990	70.100.000	209.599.000	
<b>I.3</b>	<b>Cải tạo đáy khai trường</b>				<b>4.089.204.226</b>	
	San lấp hố lũng					
6	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp II	100 m <sup>3</sup>	64,410	1.347.223	86.774.618	

STT	Các hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Thời gian thực hiện
7	San gạt mặt bằng	100 m <sup>3</sup>	39,60	185.805	7.357.876	
	San gạt mặt bằng đáy khai trường					
	Mua và vận chuyển đất san gạt mặt bằng	m <sup>3</sup>	65.254,2	36.000	2.349.151.200	
8	San gạt mặt bằng	100 m <sup>3</sup>	652,54	185.805	121.245.532	
	Trồng cây phủ xanh đáy khai trường					
13	Trồng và chăm sóc cây keo (mật độ 1,660 cây/ha)	ha	21,750	70.100.000	1.524.675.000	
<b>II</b>	<b>Cải tạo khu vực phụ trợ</b>			0	<b>402.938.850</b>	<b>Năm 13</b>
<b>II.1</b>	<b>Tháo dỡ, phá dỡ các hạng mục trên mặt bằng sân công nghiệp</b>			0	<b>253.345.695</b>	
14	Tháo dỡ mái bằng thủ công, chiều cao <= 6m	m <sup>2</sup>	747,120	7.170	5,356,850	
15	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m <sup>2</sup>	71,680	9.560	685,261	
16	Phá dỡ kết cấu gạch đá, phá dỡ tường gạch	m <sup>3</sup>	619,50	322.650	199,881,675	
17	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại	m <sup>2</sup>	49,80	19.670	979.581	
18	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng búa căn khí nén 3m <sup>3</sup> /ph	m <sup>3</sup>	124,050	277.649	34.442.327	
19	Tháo dỡ thiết bị vệ sinh	Ht	1,0	2.000.000	2.000.000	
20	Tháo dỡ thiết bị trạm cân	Ht	1,0	3.000.000	3.000.000	
21	Tháo dỡ đường dây điện, trạm biến áp	Ht	1,0	2.000.000	2.000.000	
22	Tháo dỡ cột sắt nhà để xe, trạm rửa xe	Ht	1,0	5.000.000	5.000.000	
<b>II.2</b>	<b>Xử lý chất thải</b>				<b>85.973.397</b>	
23	Bốc xúc chất thải	100 m <sup>3</sup>	7,950	1.048.760	8.337.645	
24	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II	100 m <sup>3</sup>	7,950	1.772.116	14.088.323	

STT	Các hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Thời gian thực hiện
25	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II	100 m <sup>3</sup> /km	7,950	2.715.172	21.585.618	
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp II	100 m <sup>3</sup> /km	7,950	2.720.354	21.626.812	
27	Thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải thông thường	m <sup>3</sup>	795,0	13.000	10.335.000	
28	Thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại	m <sup>3</sup>	1,0	10.000.000	10.000.000	
<b>II.3</b>	<b>San gạt mặt bằng phụ trợ</b>				<b>63.619.757</b>	
29	San gạt mặt bằng	100 m <sup>3</sup>	24,110	185.805	4.479.757	
	Trồng cây phủ xanh diện tích phụ trợ					
30	Mua và vận chuyển đất lấp hố trồng cây	m <sup>3</sup>	85,0	36.000	3.060.000	
34	Trồng và chăm sóc cây keo	ha	0,80	70.100.000	56.080.000	
<b>III</b>	<b>Nạo vét hệ thống thoát nước</b>				<b>14.450.346</b>	<b>Năm 13</b>
35	Nạo vét (thủ công)	m <sup>3</sup>	60,0	198.889	11.933.321	
36	Nạo vét (bằng máy)	100 m <sup>3</sup>	2,40	1.048.760	2.517.025	
<b>IV</b>	<b>Cải tạo tuyến đường trong mỏ</b>				<b>9.486.885</b>	<b>Năm 13</b>
37	San gạt mặt bằng	100 m <sup>3</sup>	3,460	185.805	642.885	
38	Mua và vận chuyển đất lấp hố trồng cây	m <sup>3</sup>	12,0	36.000	432.000	
42	Trồng và chăm sóc cây keo	ha	0,120	70.100.000	8.412.000	
<b>V</b>	<b>Cải tạo tuyến đường vận tải ngoài mỏ</b>				<b>50.000.000</b>	<b>Năm 13</b>
43	Đóng góp kinh phí cải tạo tuyến đường		1,0	50.000.000	50.000.000	
	<b>Cộng (I+II+III+IV+V)</b>				<b>4.829.479.109</b>	
<b>VI</b>	<b>Giám sát trong quá trình CTPHMT</b>				<b>169.418.127</b>	
<b>VII</b>	<b>Duy tu, bảo trì công trình</b>				<b>499.889.724</b>	

STT	Các hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Thời gian thực hiện
VIII	Tổng chi phí trực tiếp				5.498.786.960	
IX	Chi phí trực tiếp khác				109.975.739	
X	Cộng trực tiếp chi phí				5.608.762.699	
XI	Chi phí chung				347.743.287	
XII	Giá dự toán				5.956.505.986	
XIII	Thu nhập chịu thuế tính trước				357.390.359	
XIV	Tổng				6.313.896.346	
XV	Chi phí nhà tạm				69.452.860	
XVI	Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường				6.383.349.205	
	<b>LÀM TRÒN</b>				<b>6.383.349.000</b>	

\* *Ghi chú:* Năm 13 tính theo lịch khai thác mỏ (năm 1 là năm xây dựng cơ bản).

*c) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường bằng tổng kinh phí của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường là:  $A = 6.383.349.000$  đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

- Số tiền ký quỹ lần đầu:  $B = 20\% \times A = 20\% \times 6.383.349.000 = 1.276.670.000$  đồng.

- Số tiền ký quỹ từ năm thứ 2 và các năm tiếp theo:  $C = (6.383.349.000 - 1.276.670.000)/11 = 464.243.000$  đồng.

- Số tiền nêu trên được tính toán theo đơn giá và định mức tại thời điểm hiện tại chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Căn cứ vào giá cả thực tế tại mỗi thời điểm ký quỹ, hàng năm Chủ dự án sẽ nộp khoản tiền ký quỹ chưa tính đến hệ số trượt giá (số tiền ký quỹ những năm sau bằng số tiền ký quỹ nhân với chỉ số giá tiêu dùng năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt).

- Theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, chủ dự án sẽ thực hiện ký quỹ lần đầu tiên trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi Công ty sẽ thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho dự án sẽ được ký quỹ vào Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và được tính từ thời điểm bắt đầu ký quỹ.



#### **4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

a) Chủ dự án có trách nhiệm đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ; sự cố thiên tai, sét, lũ lụt; sự cố sạt lở; sự cố dịch bệnh; sự cố hệ thống xử lý nước thải; sự cố hệ thống xử lý khí thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 123 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

#### **1. Chương trình giám sát giai đoạn thi công, xây dựng**

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tại công trường và khu vực tập kết chất thải rắn xây dựng, chất thải xây dựng.

- Thông số giám sát: khối lượng phát sinh; công tác phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh.

- Tần suất giám sát: khi bàn giao cho đơn vị vận chuyển, xử lý.

#### **2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành**

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

- Thông số giám sát: khối lượng phát sinh; công tác phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh.

- Tần suất giám sát: khi bàn giao cho đơn vị vận chuyển, xử lý.

#### **3. Chương trình giám sát giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường**

Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải phá dỡ, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng phát sinh; công tác phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh.

- Tần suất giám sát: khi bàn giao cho đơn vị vận chuyển, xử lý.

#### **4. Giám sát khác**

a) Giám sát trượt lở, sạt lở, sụt lún bờ mỏ (khu vực khai thác):

- Vị trí giám sát: khu vực các sườn tầng khai thác.
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần và thực hiện trước mùa mưa bão.

b) Giám sát sạt lở, bồi lắng tại hồ lắng:

- Vị trí giám sát: khu vực hồ lắng, ao phía nam mặt bằng sân công nghiệp số 1; ao phía bắc mặt bằng sân công nghiệp số 2.
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần, thực hiện trước mùa mưa bão và sau các cơn bão lớn.

c) Giám sát việc thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường:

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực dự án.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

## **VI. CÁC ĐIỀU KIỆN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG**

- Thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công đối với các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án theo quy định.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường của dự án theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và phải được bàn giao, nghiệm thu theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải của dự án.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Trong quá trình hoạt động chủ dự án phải thực hiện nghiêm các nội dung được phê duyệt tại phụ lục này và các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, đồng thời phải kịp thời báo cáo những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thứ tự số 9 mục III Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Yêu cầu chủ dự án chủ động lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án trình cấp có thẩm quyền thẩm định, cấp phép theo quy định (*Thời điểm cấp Giấy phép môi trường được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*)./.

---